

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH TẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/DS-PT
Ngày: 26-01-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH TẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hòa.

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Đức Hùng.

Bà Lê Thị Thanh Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Tận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Tận tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Tận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 229/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 09/2024/QĐ – PT ngày 19 tháng 01 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Xóm 3, khu phố L, thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Tận;

Bị đơn: 1/ Ông Trương Văn N, sinh năm 1962;

2/ Bà Trần Thị Y – sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Tận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị H – sinh năm 1968;

Địa chỉ: Xóm 3, khu phố L, thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Tận;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Đặng Văn Q – sinh năm 1966. Theo giấy ủy quyền chứng thực ngày 09/8/2023.

Người kháng cáo: Ông Trương Văn N – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và lời khai đã T thập được trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn – người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Đặng Văn Q trình bày: Ông Đặng Văn Q, bà Đào Thị H là vợ chồng với nhau. Ông Q, bà H với ông N, bà Y không có quan hệ họ hàng gì. Ngày 02/6/2021, ông Q với ông N thỏa Tận thống nhất xác lập hợp đồng vay tài sản với nội dung: Ông Q cho ông N vay số tiền 200.000.000 đồng; thời hạn vay kể từ ngày 02/6/2021 đến ngày 02/7/2021 không thỏa Tận lãi suất; mục đích là để đáo hạn ngân hàng. Hai bên viết giấy vay tựa đề “Giấy vay tiền” ghi ngày 02/6/2021 để ghi nhận việc vay tài sản. Chữ viết trong giấy vay tiền là do chị Đặng Thị T (con gái ông Q), chữ ký và chữ ghi họ tên là của ông Q, ông N tự ký tự viết. Vào ngày 03/6/2021, ông Q giao cho ông N số tiền 200.000.000 đồng tại sân của trụ sở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Tánh Linh, việc giao nhận tiền thì không lập thành văn bản, giấy tờ gì nhưng có sự chứng kiến của chị T. Khoảng 01 tuần sau, ông N có trả cho ông Q số tiền 100.000.000 đồng, việc trả tiền này cũng không lập thành văn bản. Từ đó đến nay mặc dù ông Q đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông N vẫn không trả số tiền còn lại cho ông Q. Số tiền cho vay này là tiền chung của vợ chồng ông Q, cũng là phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông N, bà Y. Do vậy ông yêu cầu ông Trương Văn N, bà Trần Thị Y phải cùng trả cho vợ chồng ông. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án ông Q trình bày ngoài số tiền vay nêu trên, ông N còn vay của ông số tiền là 12.000.000 đồng. Nên ông yêu cầu vợ chồng ông N, bà Y phải trả cho vợ chồng ông số tiền 112.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Q không yêu cầu giải quyết đối với 12.000.000 đồng, chỉ yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông Trương Văn N, bà Trần Thị Y phải trả cho vợ chồng ông số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng và tiền lãi suất 10%/năm đối với khoản tiền nợ tính từ ngày 02/7/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo lời khai T thập được trong hồ sơ vụ án ông Trương Văn N trình bày: Ông với bà Trần Thị Y là vợ chồng với nhau. Từ trước đến nay giữa ông với ông N không có giao kết, xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau. Ngày 02/6/2021, ông Q có gọi điện thoại mời ông đến nhà ông Q chơi. Tại nhà ông Q thì ông Q có lời đe dọa, ép buộc ông ký vào giấy vay tiền nếu không ký thì ông sẽ giết ông ngay tại thời điểm đó. Ông sợ ảnh hưởng đến tính mạng nên đã ký vào giấy vay tiền do ông Q viết sẵn từ trước. Do bị ép buộc, ông không đọc nội

dung nên không biết trong giấy ghi nội dung gì. Thời điểm đó tại nhà ông Q có ông Q, ông và một số người cháu của ông Q. Ông công nhận chữ ký, chữ viết họ tên trong giấy vay tiền là chữ ký, chữ viết của ông nhưng đều bị ép buộc chứ ông không vay tiền, gia đình ông cũng không nợ, không trả cho ngân hàng nên không có nhu cầu vay đáo hạn như trong giấy vay tiền ghi. Do đó, ông Đặng Văn Q yêu cầu ông trả số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng và tiền lãi suất 10%/năm đối với khoản tiền nợ tính từ ngày 02/7/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì ông không đồng ý, vì ông không vay khoản tiền nào của ông Q. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463; khoản 1, 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Q.

Buộc ông Trương Văn N và bà Trần Thị Y phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đặng Văn Q và bà Đào Thị H số tiền 122.329.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng*), trong đó gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 22.329.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Trương Văn N được miễn án phí. Bà Trần Thị Y phải nộp 3.058.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra còn tuyên về quyền kháng cáo.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, bị đơn ông Trương Văn N kháng cáo sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:
 - + Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

- + Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy vay tiền và các chứng cứ liên quan thể hiện việc ông N có vay tiền của ông Q là thật. Việc ông N nại rằng ông ký vào giấy vay tiền là do bị ép buộc nhưng không chứng minh được cho lời trình bày của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DSST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đơn kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn N làm trong thời hạn luật định, nộp tạm ứng án phí đúng thời gian quy định. Nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng: Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DSST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đưa đầy đủ những người tham gia tố tụng. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình có căn cứ và hợp pháp, ông Đặng Văn Q đã cung cấp bản chính “Giấy vay tiền” ghi ngày 02/6/2021 thể hiện nội dung số tiền vay là 200.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 1 tháng và không thể hiện lãi suất. Tại giấy vay tiền có đầy đủ chữ ký của ông Đặng Văn Q và ông Trương Văn N. Trong giấy vay tiền cũng thể hiện nội dung “*Ngay sau khi ký giấy vay tiền này bên A sẽ giao toàn bộ số tiền cho bên B*”. Và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa cấp sơ thẩm đã T thập tài liệu, chứng cứ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Tánh Linh về khoản nợ và chứng từ giao dịch thể hiện ông N có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi

nhánh huyện Tánh Linh số tiền 200.000.000 đồng và ngày 03/6/2021 ông N có chuyển thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Tánh Linh số tiền là 125.281.644 đồng. Qua đó, việc trong giấy vay tiền thể hiện mục đích ông N vay tiền của ông Q để đáo hạn ngân hàng là phù hợp. Các chứng cứ có trong hồ sơ phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Trương Văn N cho rằng việc ông ký vào giấy vay tiền là do bị ép buộc, đe dọa tính mạng nên mới ký vào chứ trên thực tế ông không vay tiền của ông N, tuy nhiên ông N không đưa ra chứng cứ để chứng minh cho việc ông bị ép buộc, bị đe dọa. Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn thừa nhận ông N đã trả cho ông được 100.000.000 đồng hiện còn nợ 100.000.000 đồng. Yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay còn nợ là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất: Trong giấy vay tiền đề ngày 02/6/2021 giữa ông Q và ông N không ghi nhận việc thỏa Tận trả lãi nhưng có thỏa Tận thời hạn vay đến ngày 02/7/2021. Do đó, đây là hợp đồng vay có thời hạn nhưng không có lãi. Khi hết thời hạn trả nợ thì ông N mới trả cho ông Q được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng. Ông Đặng Văn Q yêu cầu ông Trương Văn N, và Trần Thị Y trả cho ông Đặng Văn Q, bà Đào Thị H số tiền gốc còn nợ là 100.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 03/7/2021 cho đến khi ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại Điều 357 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì ông Q có quyền yêu cầu tính lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Q là hoàn toàn có căn cứ. Số tiền lãi bị đơn phải thanh toán tính từ ngày 03/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2023 là $[100.000.000 \text{ đồng} \times (02 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 25 \text{ ngày}) \times 10\%/\text{năm}] = 22.329.000 \text{ đồng}$.

[2.3] Về nghĩa vụ trả tiền: Ông Đặng Văn Q yêu cầu vợ chồng ông Trương Văn N, bà Trần Thị Y phải chịu trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Xét thấy, mặc dù trong giấy vay tiền không có chữ ký của bà Y và trong quá trình giải quyết bà Y không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, khoản tiền ông N vay của ông Q phát sinh trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa ông N với bà Y và số tiền ông N vay để đáo nợ ngân hàng là khoản tiền vay chung của hộ gia đình ông N. Vì vậy, xác định khoản nợ này là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Trương Văn N và bà Trần Thị Y. Do đó, tòa án sơ thẩm buộc cả

ông Trương Văn N và bà Trần Thị Y cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho bà ông Đặng Văn Q, bà Đào Thị H là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Từ phân tích trên, nhận thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Q là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DSST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Kháng cáo của bà Lê Thị Kim Anh không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Kim Anh: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DSST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

2. Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các Điều 147, 227, 228, 266, 269 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; Điều 466; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3 Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Q.

Buộc ông Trương Văn N, bà Trần Thị Y phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Đặng Văn Q, bà Đào Thị H số tiền là 122.329.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi chín ngàn đồng*), trong đó gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 22.329.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1 Về án phí sơ thẩm:

Ông Trương Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do ông N là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

Bà Trần Thị Y phải chịu 3.058.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đặng Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0016058 ngày 09/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh cho ông Đặng Văn Q.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn N là người cao tuổi nên Tộc trường hợp được miễn án phí nên hoàn lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0005292 ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh cho ông Trương Văn N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26/01/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Tân;
- TAND huyện Tánh Linh;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Hòa

